

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 10
GV: Trần Thị Hoa
Ngày soạn: 28/2/2026

Tiết 77,78

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 10
Năm học : 2025 – 2026

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học so với yêu cầu của chương trình giáo dục 2018, nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của người học.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận 100%

III. THIẾT LẬP MA TRẬN, ĐẶC TẢ

1.MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Thơ Nôm Nguyễn Trãi	2	3	1	6
Tỉ lệ điểm			15	30	15	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội	1	1	1	1

Tỉ lệ điểm trên từng câu hỏi	10			
		15	15	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức	25	45	30	100

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	
I	ĐỌC HIỂU	Thơ Nôm Nguyễn Trãi	Nhận biết: - Thể thơ. - Hình ảnh thơ. Thông hiểu: - Tác dụng biện pháp tu từ. - Ý nghĩa của câu thơ. - Nhận xét về vấn đề gợi dẫn. Vận dụng: - Thể hiện quan điểm đồng tình/không đồng tình về vấn đề đặt ra.	15%	30%	15%	60%
II	Viết	Viết bài văn nghị luận về vấn đề xã hội	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	

			Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận -Xác định được những luận điểm phù hợp với vấn đề xã hội đặt ra. Thông hiểu:	10%	15%	15%	40%
			-Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. -Trình bày được những quan điểm, những cơ sở về nhận thức và thực tiễn liên quan đến vấn đề xã hội. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ quan điểm. -Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề xã hội đặt ra. Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. -Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm... để tăng sức thuyết phục cho lập luận. Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
Tỉ lệ				25%	45%	30%	100%

Tổng	100%
-------------	-------------

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận
2. Thời gian: 90 phút
3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết

*** Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm):**

-**Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại THƠ NÔM NGUYỄN TRÃI

-Yêu cầu:

- + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ ...
- +Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
- +Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

*** Phần II: Viết (4,0 điểm): Nghị luận xã hội**

- Về kiến thức:

Kiến thức là một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ có trong chương trình Sách giáo khoa Ngữ văn 10.

- Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:

Kỹ năng viết một bài văn nghị luận xã hội

Dung lượng: 600 chữ

II. HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG VIẾT

- B ố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài:	<i>Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần nghị luận</i> - Dẫn dắt bằng câu nói nổi tiếng hay, súc tích, liên quan đến vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ - Trích dẫn ý kiến và nêu quan điểm cá nhân
----------------	---

Thân bài:	* Thân bài - L Đ1: Giải thích vấn đề nghị luận -> ý nghĩa của vấn đề LĐ 2: Bàn luận làm rõ vai trò của vấn đề - Nêu rõ quan điểm - Làm rõ ý nghĩa của vấn đề (lí lẽ và bằng chứng) LĐ 3: Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện... LĐ 4: Bài học nhận thức và hành động (tuổi trẻ và bản thân)
Kết bài:	Khái quát lại vấn đề nghị luận

III.ĐỀ THAM KHẢO

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI⁽¹⁾

(Bài 38)

Nguyễn Trãi

Mấy phen lần bước dẫm thanh vân⁽²⁾,

Đeo lợi làm chi luống nhục⁽³⁾ thân!

Nhớ chúa, lòng còn đan một tác⁽⁴⁾,

Âu thì⁽⁵⁾, tóc đã bạc mười phân!

Trì thanh, cá lội, in vàng nguyệt,

Cây tĩnh, chim về, rợp bóng xuân.

Dầu phải, dầu chẳng mặc thế,

Đắp tai biếng mắng⁽⁶⁾ sự vân vân.

(Trích *Thơ quốc âm Nguyễn Trãi*, Bùi Văn Nguyên biên khảo, chú giải, giới thiệu, NXB Giáo dục, 2003, tr.129)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

⁽¹⁾ *Bảo kính cảnh giới*: Gương báu răn mình.

⁽²⁾ *Thanh vân*: mây xanh, chỉ việc làm quan.

⁽³⁾ *Nhục*: tức *nhọc*, nghĩa là nhọc nhằn, nặng nề.

⁽⁴⁾ *Đan*: đỏ. *Đan một tác*: một tác lòng son.

⁽⁵⁾ *Âu*: lo lắng. *Thì*: thời cuộc.

⁽⁶⁾ *Biếng mắng*: không quan tâm, không chú ý.

Câu 2. Chỉ ra 04 hình ảnh thiên nhiên xuất hiện trong văn bản.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong câu thơ sau: *Cây tĩnh, chim về, rợp bóng xuân.*

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung của hai câu thơ sau?

*Mấy phen lần bước dặm thanh vân⁽⁷⁾,
Đeo lợi làm chi luống nhục⁽⁸⁾ thân!*

Câu 5. Nhận xét về phong cách sống của nhân vật trữ tình.

Câu 6. Từ nội dung của bài thơ, anh/chị có đồng tình về lối sống coi trọng vật chất của giới trẻ hiện nay không? Lí giải.(Trình bày dưới hình thức đoạn văn).

II.VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về quan điểm *thế hệ trẻ nên sống theo kì vọng của gia đình hay không?*

⁽⁷⁾ Thanh vân: mây xanh, chỉ việc làm quan.

⁽⁸⁾ Nhục: tức nhọc, nghĩa là nhọc nhằn, nặng nề.

II. Phần viết (4.0đ)

Viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về quan điểm: *Người trẻ cần mạnh dạn theo đuổi đam mê của mình thay vì chỉ chọn con đường mà người khác cho là an toàn*